TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Ông Bùi Đức Khoa

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị T Nơi cư trú: Thôn 01, xã L1, huyện T1, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Triệu Tiến L; Nơi cư trú: Thôn 01, xã L1, huyện T1, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trịnh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Triệu Tiến L do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L1, huyện T1, thành phố Hải Phòng từ ngày 09 tháng 7 năm 2007. Sau khi kết hôn, chị và anh L về chung sống tại thôn 01, xã L1, huyện T1, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng nhất từ năm

2022 đến nay, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh L mắc tệ nạn cờ bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Chị có góp ý nhưng anh L không tiếp thu sửa chữa, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm cãi vã xúc phạm nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình nội, ngoại hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng sống ly thân tình cảm không còn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Triệu Tiến L.

Về con chung: Chị và anh Triệu Tiến L có hai chung là Triệu Thị M, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2007 và Triệu Quang H, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2014. Chị đề nghị Tòa án giao hai con cho chị nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại anh L là Bộ đội nghỉ hưu còn chị bán hàng tạp hóa tại nhà.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Triệu Tiến L: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L để anh L đến Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên giải quyết việc chị Trịnh Thị T xin ly hôn nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên phát biểu ý kiến: *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. *Về nội dung*: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Triệu Tiến L. Về con chung: Giao các con chung Triệu Thị M, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2007 và Triệu Quang H, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2014 cho chị T nuôi dưỡng; Không giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và tài sản. Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Trịnh Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Triệu Tiến L. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Triệu Tiến L hiện đang cư trú tại thôn 01, xã L1, huyện T1, thành phố Hải Phòng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Bị đơn anh Triệu Tiến L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên tiến hành xét xử vắng mặt anh Triệu Tiến L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T và anh Triệu Tiến L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã L1, huyện T1, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 7 năm 2007, nên theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Tuy anh Triệu Tiến L không đến Tòa án, nên không có quan điểm của anh L về việc chị Trịnh Thị T xin ly hôn, nhưng căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống, chị Trịnh Thị T và anh Triệu Tiến L đã phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Xét quan hệ hôn nhân của chị Trịnh Thị T và anh Triệu Tiến L là không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị xin được ly hôn của chị Trịnh Thị T đối với anh Triệu Tiến L.

[5] Về con chung: Chị Trịnh Thị T và anh Triệu Tiến L có hai con chung là Triệu Thị M, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2007 và Triệu Quang H, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2014. Chị Trịnh Thị T đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị nuôi dưỡng. Anh L không có quan điểm về vấn đề con chung. Các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, hiện tại chị T bán hàng tạp hóa còn anh L là Bộ đội nghỉ hưu, nên khả năng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị T và anh L như nhau. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh L đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng trốn tránh không đến Tòa án, không có quan điểm về việc nuôi con chung, các con chung đều có nguyện vọng được ở với mẹ, nên để đảm bảo sự ổn định cần giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng.

[6] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Triệu Tiến L không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[7] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Triệu Tiến L không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

[8] Về án phí sơ thẩm: Chị Trịnh Thị T là nguyên đơn nên chị Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Trịnh Thị T và anh Triệu Tiến L có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị T được ly hôn anh Triệu Tiến L.

2. Về con chung: Giao các con chung Triệu Thị M, sinh ngày 22 tháng 12 năm 2007 và Triệu Quang H, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2014 cho chị Trịnh Thị T nuôi dưỡng đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Triệu Tiến L không có quan điểm về việc cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, khi nào các đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

4. Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Triệu Tiến L không có quan điểm về vấn đề tài sản. Nên Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản, khi nào các đương sự có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ việc dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị Trịnh Thị T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008467 ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên. Chị Trịnh Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận**:*
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THA DS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã L1, huyện T1, TP Hải Phòng (ĐKKH ngày 09 tháng 7 năm 2007);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế